TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20** /2025/DS-ST.
Ngày: 12/9/2025.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa*: Trần Thị Nhã Phương

- *Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Tuyết; ông Nguyễn Thế Hằng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết– Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2024/TLST-DS ngày 02/10/2024, về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS, ngày 05/8/2025; quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST - DS ngày 22/8/2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị Khánh H**, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn 6A, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Trước đây là: Thôn 6A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk)**.** *Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Điệp T, bà **Nguyễn Thị H1**. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Trước đây là: Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk). *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng bà Võ Thị Khánh H trình bày:***

Do có mối quan hệ quen biết nên bà H có cho vợ chồng Ông Nguyễn Điệp T, bà Nguyễn Thị H1 vay tiền nhiều lần. Cụ thể:

- Ngày 27/8/2012 âm lịch (ngày 11/10/2012 dương lịch) ông T, bà H1 vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 1,1%/tháng. Khi nào bà H cần thì báo trước nửa tháng, vợ chồng ông T, bà H1 sẽ trả đúng hẹn

- Ngày 22/6/2015 (ngày 06/5/2015 âm lịch) ông T, bà H1 vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 1,1%/tháng. Thời hạn vay 01 năm (từ ngày 06/5/2015 âm lịch đến ngày 06/5/2016 âm lịch).

- Ngày 28/8/2015 âm lịch (ngày 10/10/2015 dương lịch) ông T, bà H1 vay số tiền 30.000.000đ, lãi suất thỏa thuận miệng 1,1%/tháng, khi nào bà H cần thì báo trước 07 ngày, vợ chồng ông T, bà H1 sẽ trả đúng hẹn.

Đến tháng 6/2018 do cần tiền phải xây nhà nên bà H đã gặp và yêu cầu vợ chồng ông T, bà H1 phải trả số tiền đã vay nhưng vợ chồng ông T, bà H1 vẫn không trả khoản tiền nào, né tránh nghĩa vụ trả nợ. Đến nay vợ chồng ông T, bà H1 vẫn chưa trả cho bà H khoản tiền nào nên bà H mới làm đơn khởi kiện đến Tòa án.

Theo đơn khởi kiện ban đầu bà H có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Nguyễn Điệp T, bà Nguyễn Thị H1 phải trả số tiền 100.000.000đ nợ gốc và 139.156.000đ tiền lãi. Qúa trình giải quyết vụ án, bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tiền lãi, nay bà H chỉ yêu cầu buộc Ông Nguyễn Điệp T, bà Nguyễn Thị H1 phải trả số tiền 100.000.000đ nợ gốc (trong đó gồm 50.000.000đ nợ gốc theo giấy vay tiền đề ngày 27/8/2012 ÂL nhằm ngày 11/10/2012 DL, số tiền 20.000.000đ nợ gốc theo giấy vay tiền đề ngày 06/5/2015 nhằm ngày 22/06/2015 DL và số tiền 30.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 28/8/2015 ÂL).

***Theo bản tự khai bị đơn Ông Nguyễn Điệp T trình bày**:

Ông T với bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976 là vợ chồng, tuy nhiên hiện nay bà H1 đang đi làm ăn ở thành phố Hà Nội, do vợ chồng đang có mâu thuẫn, không liên lạc với nhau nên ông T không biết địa chỉ cụ thể hiện nay của bà Huyền.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Khánh H theo giấy vay tiền đề ngày 27/8/2012 âm lịch (ngày 11/10/2012 DL), giấy vay tiền ngày 22/06/2015 DL và giấy vay tiền ngày 28/8/2015 âm lịch, ông T có ý kiến như sau.

Những lần vay tiền trên là do bà Nguyễn Thị H1 vợ ông T trực tiếp vay mượn với bà H, mục đích vay mượn để phục vụ việc kinh doanh gia đình và do thời gian này bà Huyền là người quản lý tiền bạc, thu chi của cả gia đình.

Ông T thừa nhận chữ ký "Nguyễn Điệp Trường" tại phần bên vay của giấy vay ngày 27/8/2012 âm lịch (ngày 11/10/2012 DL) với số tiền vay 50.000.000đ và giấy vay tiền ngày 28/8/2015 âm lịch với số tiền vay 30.000.000đ là chữ ký của ông T. Việc thỏa thuận thời hạn trả, lãi suất do bà H1 thỏa thuận với bà H.

Đối với giấy vay ngày 22/06/2015 DL (nhằm ngày 06/5/2025 ÂL) số tiền vay 20.000.000đ này ông T không biết, ông T không ký tên.

Vì bà H1 đứng ra vay và quản lý tiền bạc nên ông T không biết bà H1 đã trả được khoản tiền bao nhiêu, nhưng theo ông T được biết bà H1 đã trả cho bà H được 10.000.000đ gốc và tiền lãi, bà H có viết giấy xác nhận trả nợ. Tuy nhiên giấy này bà H1 đang giữ nên ông T không cung cấp cho Tòa án được.

Vì lý do trên nên ông T chỉ đồng ý cùng vợ trả cho bà H số tiền đã vay theo giấy vay ngày 27/8/2012 âm lịch (ngày 11/10/2012), số tiền vay 50.000.000đ và giấy vay tiền ngày 28/8/2015 âm lịch, số tiền vay 30.000.000đ. Đối với số tiền vay 20.000.000đ theo giấy vay ngày 22/06/2015 DL, ông T không biết, không ký tên nên không đồng ý trả khoản tiền này.

***** Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 đã được Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H1, không tiến hành được phiên hòa giải để các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk đã ban hành các văn bản tố tụng, triệu tập các đương sự để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn ông T, bà H1 không tham gia để giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử xử theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tống đạt giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án*: Xét chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và lời trình trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 288; 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Khánh H.

Buộc Ông Nguyễn Điệp T, bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Võ Thị Khánh H số tiền còn nợ là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về chí phí tố tụng giám định chữ ký chữ viết và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Võ Thị Khánh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết

81/2025/UBTVQH15 ngày 26/6/2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đăk Lăk.

Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-DS, ngày 05/8/2025; quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST -DS ngày 22/8/2025 cho các đương sự. Tại phiên toà, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét chứng cứ nguyên đơn bà Võ Thị Khánh H cung cấp 03 giấy vay tiền, gồm giấy vay ngày 27/8/2012 âm lịch (ngày 11/10/2012 dương lịch) số tiền vay 50.000.000đ; Giấy vay ngày 22/6/2015 (ngày 06/5/2015 âm lịch) số tiền vay 20.000.000đ; Giấy vay ngày 28/8/2015 âm lịch số tiền vay 30.000.000đ.

Ông T thừa nhận chữ ký và chữ viết "Nguyễn Điệp Trường" tại phần bên vay của giấy vay ngày 27/8/2012 âm lịch và giấy vay tiền ngày 28/8/2015 âm lịch là chữ ký của ông T.

Bị đơn bà H1 vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết theo quy định pháp luật và đã có kết luận giám định số 466/KL-KTHS ngày 08/4/2025 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị H1 trong 03 giấy vay tiền ngày 27/8/2012 âm lịch, ngày 22/6/2015, ngày 28/8/2015 âm lịch so sánh với chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị H1 trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

Do đó chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là đúng. Bà H đã yêu cầu ông T, bà H1 trả nợ nhiều lần và đã có đơn khởi kiện tại Tòa án nhưng ông T, bà H1 vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466, 469 BLDS nên cần buộc ông T, bà H1 trả khoản nợ đã vay là có căn cứ.

Đối với giấy vay ngày 27/8/2012 âm lịch, số tiền vay 50.000.000đ và giấy vay tiền ngày 28/8/2015 âm lịch số tiền vay 30.000.000đ, tổng số tiền vay là 80.000.000đ. Người ký giấy vay là ông T, bà H1 nên cần buộc ông T, bà H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 80.000.000đ.

Đối với Giấy vay ngày 22/6/2015, số tiền vay 20.000.000đ, người ký giấy vay là bà H1, không có chữ ký của ông T và trong quá trình giải quyết tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án (BL 24), ông T xác định toàn bộ những lần vay tiền trên là do bà Nguyễn Thị H1 trực tiếp vay mượn với bà H, mục đích vay mượn để phục vụ việc kinh doanh của gia đình và do thời gian này bà Huyền là người quản lý tiền bạc, thu chi của cả gia đình nên việc bà H yêu cầu ông T có trách nhiệm liên đới trả số tiền 20.000.000đ theo giấy vay ngày 22/6/2015 là có căn cứ nên cần chấp nhận.

2.2. *Về lãi suất:* Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu buộc ông T, bà H1 phải trả 139.156.000đ tiền lãi. Quá trình giải quyết vụ án, bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi

kiện về số tiền lãi 139.156.000đ nêu trên. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi 139.156.000đ.

Từ những nhận định trên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Khánh Hợi. Buộc Ông Nguyễn Điệp T, bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Võ Thị Khánh H số tiền còn nợ là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

[3] Về chi phí tố tụng trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết: Quá trinh giải quyết vụ án, chi phí cho việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết là 5.400.000đ (Năm triệu, bốn trăm nghìn đồng) bà Võ Thị Khánh H đã đóng tạm ứng và đã chi trả xong. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bà Nguyễn Thị H1 và Ông Nguyễn Điệp T phải có nghĩa vụ trả cho bà H chi phí trưng cầu giám định này là 5.400.000đ (Năm triệu, bốn trăm nghìn đồng).

[4] ***Về án phí:*** - Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1, Ông Nguyễn Điệp T phải chịu 5.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (100.000.000đ x 5%).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Khánh H số tiền 5.978.900đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000663 ngày 30/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Đắk Lắk).

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 227, 233, 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 288; 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Khánh H.

Buộc Ông Nguyễn Điệp T, bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Võ Thị Khánh H số tiền còn nợ là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị H1, Ông Nguyễn Điệp T còn phải trả cho bà Võ Thị Khánh H khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về lãi suất: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi là 139.156.000đ.

[2] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H1 và Ông Nguyễn Điệp T phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Khánh H chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết là 5.400.000đ (Năm triệu, bốn trăm nghìn đồng).

[3]. Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1, Ông Nguyễn Điệp T phải chịu 5.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Khánh H số tiền 5.978.900đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000663 ngày 30/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Đắk Lắk).

[3]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai theo quy định.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhã Phương